

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Thuỷ

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương, thư ký viên chính Toà án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Diệp, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Toà án khu vực 4 - Quảng Trị mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-VDS ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2025/QĐST-VDS ngày 21 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Bà Phạm Thị B, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị (cũ là thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình), vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị B: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị (cũ là thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình), (văn bản uỷ quyền ngày 16 tháng 5 năm 2025), có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Trần Văn Q1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị (cũ là thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình), vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Bà Phạm Thị B yêu cầu tuyên bố anh Trần Văn Q1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị (cũ là thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình) mất năng lực hành vi dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị nhận định:

[1] Người bị yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự có nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị (cũ là thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình). Do

đó, việc giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Theo đơn yêu cầu của bà Phạm Thị B; ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu tại phiên họp và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc thấy rằng anh Trần Văn Q1, sinh năm 1992, sinh ra đã bị khuyết tật, không thể nhận thức, làm chủ hành vi của mình. Ngày 10/7/2025 anh Trần Văn Q1 được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy xác nhận khuyết tật, dạng khuyết tật nghe, nói, nhìn, thần kinh tâm thần, mức độ nặng và hiện đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại địa phương. Anh Trần Văn Q1 có bố là ông Trần Văn C và mẹ là bà Phạm Thị B. Hiện tại ông Trần Văn C đã chết, bà Phạm Thị B (mẹ đẻ của anh Q1) là người giám hộ của anh Q1 có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự đối với anh Trần Văn Q1.

[3]. Trong quá trình thụ lý giải quyết, theo yêu cầu của bà Phạm Thị B, Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định Pháp y tâm thần đối với anh Trần Văn Q1 tại Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền T. Tại Kết luận giám định số 999/KLGD ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm P khu vực miền T kết luận: Anh Trần Văn Q1, sinh năm 1992, thời điểm hiện tại:

Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Chậm phát triển tâm thần mức độ nặng các tật chứng tác phong đáng kể (F72.1)+ Hội chứng Down (Q90)

Kết luận về năng lực hành vi dân sự: Mất năng lực hành vi dân sự.

[4]. Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng Thẩm phán, Thư ký, người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ và thực hiện theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi mở phiên họp giải quyết việc dân sự. Người yêu cầu chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết việc dân sự: Căn cứ đơn yêu cầu, kết luận giám định của Trung tâm P và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ việc có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị B. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 146, Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên bố anh Trần Văn Q1 mất năng lực hành vi dân sự.

[5]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu tại phiên họp và Kết luận giám định số 999/KLGD ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm P thấy rằng yêu cầu của bà Phạm Thị B và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc tuyên bố anh Trần Văn Q1 mất năng lực hành vi dân sự là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6]. Về lệ phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị B là người cao tuổi, có đơn xin miễn lệ phí nên thuộc trường hợp được miễn lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39,

các Điều 361, 370, 371, 372, 376, 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 22 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự của bà Phạm Thị B. Tuyên bố anh Trần Văn Q1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị (cũ là thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình) mất năng lực hành vi dân sự.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị B được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Kv 4 - Quảng Trị;
- Phòng THADS Kv 4- Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Trường Phú, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ; lưu VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Thủy

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

**TÒA ÁN NHÂN
DÂN.....⁽¹⁾**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-.....⁽¹⁾ , ngày tháng năm
2)

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v⁽³⁾.....

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên họp: Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm..... , tại⁽⁶⁾ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số / / TLST-....

ngày.... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾ theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số / / QĐST-

..... ngày.... tháng.... năm..... , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁸⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ⁽¹⁰⁾

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹¹⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

.....

- Người làm chứng (nếu có):⁽¹⁴⁾

.....

- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾

.....

- Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

.....

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dânnhận định:⁽¹⁸⁾

[1]

.....

[2].....

.....

[3].....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾.....

.....

- (20).....

.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾.....

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾.....

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

.....

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT
VIỆC DÂN SỰ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
HỌP⁽²⁴⁾**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B1, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
HỌP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”